

Số: **584/2021/QĐST-HNGĐ**

*Tân Phú, ngày 10 tháng 12 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 508/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1974; HKTT và ngụ tại: A19.06 chung cư O, số 685 đường A, phường T2, quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Phan Hữu T1, sinh năm 1972; HKTT và ngụ tại: A19.06 chung cư O, số 685 đường A, phường T2, quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 02 tháng 12 năm 2021, bà Trần Thị Thu T và ông Phan Hữu T1 thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về các vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung.

[2] Xét việc thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**Về quan hệ hôn nhân:** Bà Trần Thị Thu T và ông Phan Hữu T1 thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 106/2000, quyền số 01 ngày 15/6/2000 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận T4, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp cho bà Trần Thị Thu T và ông Phan Hữu T1 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

**Về con chung:** Hai bên khai nhận vợ chồng có hai người con chung là Phan Trần Khánh N, sinh ngày 16/11/2000 và Phan Trần Nam Đ, sinh ngày 09/9/2005. Giao con chung là Phan Trần Nam Đ cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T1 do bà T không yêu cầu. Riêng con chung là Phan Trần Khánh N đã trưởng thành và phát triển bình thường nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Ông T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

**Về quan hệ tài sản:**

- Về tài sản chung: Hai bên yêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

**Về lệ phí:**

- Lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do bà Trần Thị Thu T và ông Phan Hữu T1 tự nguyện chịu, được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do bà T và ông T1 đã nộp theo biên lai số AA/2021/0034676 ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Các bên đương sự đã nộp đủ.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- Đường sự;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q.Tân Phú;
- UBND phường P, quận T3,  
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án (Thành).

**THẨM PHÁN**

(đã ký tên và đóng dấu)

**Đinh Thị Hương**